TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2023/KDTM-ST	*K, ngày 31 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 144, 147, 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015*;* các Điều 357*,* 463*,* 466 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 23/8/2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 12/2023/KDTM ngày 31/5 / 2023.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vị phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** **Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (MB)**

Địa chỉ: Số E Lê Văn L, phường T, quận C, H1

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Hữu Đ; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH quản lý nợ và khai thác tài sản - TMCP Q (công ty MBAMC).

Địa chỉ tầng F, số L1, quận B, H1

Người đại diện theo pháp luật của công ty MBAMC: Ông Phạm Văn P; chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Quách Mạnh Q; chức vụ: Giám đốc vùng Miền Bắc.

Người được ông Quách Mạnh Q ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Sơn H2 - Chuyên viên xử lý nợ (có mặt)

* ***Đồng bị đơn:***

- Ông Lê Văn B1, sinh năm 1979
- Bà Đoàn Thị T1, sinh năm 1983

Đều trú tại: thôn V, thị trấn K, huyện K, tỉnh H

2. Sự thỏa thuận giữa các đ- ơng sự cụ thể như sau:

2.1. Về nội dung hợp đồng:

Các bên thống nhất số nợ tính đến ngày 23/8/2023, vợ chồng ông Lê Văn B1, bà Đoàn Thị T1 còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Q (sau đây gọi tắt là MB) gồm:

- Tiền gốc: 1.143.166.662 đồng;
- Tiền lãi trong hạn: 108.128.950 đồng;
- Tiền lãi quá hạn: 8.679.189 đồng.

Tổng số là: 1.259.974.801 đồng (một tỷ, hai trăm năm mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi tư nghìn, tám trăm linh một đồng).

Kể từ ngày 24/8/2023, vợ chồng ông B1, bà T1 tiếp tục phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký kết đến khi thanh toán hết nợ gốc.

2.2. Về phương thức thanh toán:

**** Về việc trả nợ:***

Các đương sự cùng thỏa thuận về phương thức thanh toán như sau:

- Ngày 30/9/2023: trả số tiền 300.000.000 đồng (nợ gốc);
- Ngày 30/10/2023: trả số tiền 300.000.000 đồng (nợ gốc);
- Ngày 30/11/2023: trả số tiền 300.000.000 đồng (nợ gốc);
- Ngày 30/12/2023: trả số tiền 243.166.662 đồng (nợ gốc) và lãi phát sinh.

Trường hợp vợ chồng ông B1, bà T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đã cam kết nêu trên, thì MB có quyền phát mại tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa số 83, tờ bản đồ số 16, diện tích 156,1m2, địa chỉ thôn V, thị trấn K, huyện K, tỉnh H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BO 946590 vào sổ cấp GCN CH03805 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 13/12/2019 mang tên Lê Văn B1 và Đoàn Thị T1 để thu hồi toàn bộ nợ gốc và lãi còn lại.

Nếu số tiền phát mại tài sản không đủ trả nợ thì ông B1, bà T1 còng phải tiếp tục trả số nợ gốc, lãi còn lại cho đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng MB (***Có sơ đồ kèm theo***).

**** Về chi phí tố tụng:*** Ông B1, bà T1 phải chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng là 3000.000 (Ba triệu đồng) và phải trả MB khi tất toán khoản vay.

3. Về án phí:

- Hai bên thỏa thuận, ông Lê Văn B1 và bà Đoàn Thị T1 phải chịu 24.899.622 đồng (Hai mươi bốn triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm hai mươi hai đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại MB số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0008343, ngày 31/5/2023, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ-ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được quy định theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận :
- *Các đ- ơng sự;*
- *TAND tỉnh H;*
- *VKSND huyện KC;*
- *THA huyện KC;*
- *L- u HSVA.*

ĐÀO DUY TR